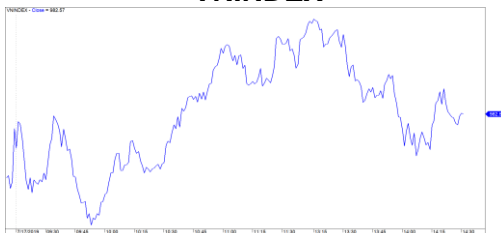


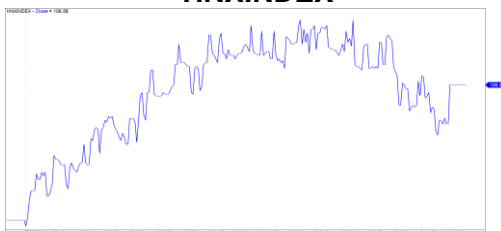
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	982.57	106.58	57.05
% ngày	0.05%	0.69%	-0.44%
% tuần	0.92%	1.37%	1.33%
% tháng	3.76%	2.98%	3.78%
% năm	6.65%	1.67%	15.44%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,006	644	263
TB 1 tuần	3,668	436	291
TB 1 tháng	3,791	370	277
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	521.23	5.05	34.22
Bán	308.90	2.51	18.44
Giá trị ròng	212.33	2.54	15.78
Độ rộng TT			
Mã Tăng	125	79	215
Mã Giảm	150	65	119
Không Đổi	113	224	560
Chỉ số chính			
P/E	16.99	9.59	18.49
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,326	193	1,005
LS Cổ tức	1.67%	3.07%	6.97%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục đà tăng nhưng rung lắc khá mạnh. Chỉ số VN-Index giữ mức tăng nhẹ 0.05% đóng cửa tại 982.57 điểm, chỉ số HNX-Index giữ mức tăng khá hơn 0.69% đóng cửa tại 106.58 điểm, chỉ số Upcom-Index giảm 0.44% dừng tại 57.05 điểm. Dòng tiền tiếp tục tham gia tích cực vào thị trường với hơn 4,000 tỷ đồng trên cả ba sàn.

Thị trường phân hóa mạnh hơn khi cổ phiếu gặp phải áp lực chốt lời ở vùng giá cao. Nhóm Ngân hàng, Bất động sản, Dầu khí có sự phân hóa rõ nét khi VCB, TCB, VPB, PVS, PLX, VIC giảm giá trong khi CTG, ACB, SHB, STB, GAS, DXG, DIG nổi bật ở đà tăng. VCB có phiên điều chỉnh nhẹ sau thông tin vợ phó TGD đăng ký bán ra 37,000 đang nắm giữ với thời gian thực hiện từ 18.07-31.7.2019 trong khi PPC giảm phiên thứ 2 liên tiếp sau KQKDQ2 kém tích cực. Dòng tiền luân chuyển sang nhóm Chứng khoán khi nhiều cổ phiếu trong nhóm tăng giá mạnh với thanh khoản tăng như HCM (2.8%), SSI(3.2%), SHS(2%), VND(1.7%). Nhóm cổ phiếu Mid-Cap diễn biến tích cực hơn 2 nhóm còn lại nhờ DXG(3.5%), SJS(3.2%), DIG(6.8%), KBC(2.7%),DRC(3.4%).

Khối ngoại tiếp tục nổi dài chuỗi phiên mua ròng với giá trị hơn 230 tỷ đồng trên cả ba sàn. Trong đó, PLX(126 tỷ), VHM(22 tỷ), GAS(20 tỷ) được mua ròng nhiều nhất. Ở chiều ngược lại, PVS(52 tỷ), HPG(45 tỷ), KDH(15 tỷ) là các mã dẫn đầu danh sách bán ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng thị trường sẽ rung lắc trong phiên kế tiếp và chỉ số VN-Index có thể sẽ tiếp tục điều chỉnh về mức 978 điểm. Đồng thời, thị trường tiếp tục phân hóa giữa các cổ phiếu, nhóm cổ phiếu Largecaps trên sàn HSX có dấu hiệu bước vào giai đoạn tích lũy, còn các cổ phiếu trên sàn HNX thì có dấu hiệu bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cho thấy dòng tiền vẫn sẽ tiếp tục gia tăng trên sàn HNX. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm nhẹ cho thấy nhà đầu tư ngắn hạn nên tiếp hành cơ cấu lại danh mục.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức hỗ trợ ở mức 962.42 điểm của chỉ số VN-Index và 104.33 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để cơ cấu lại danh mục và tiếp tục nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục.

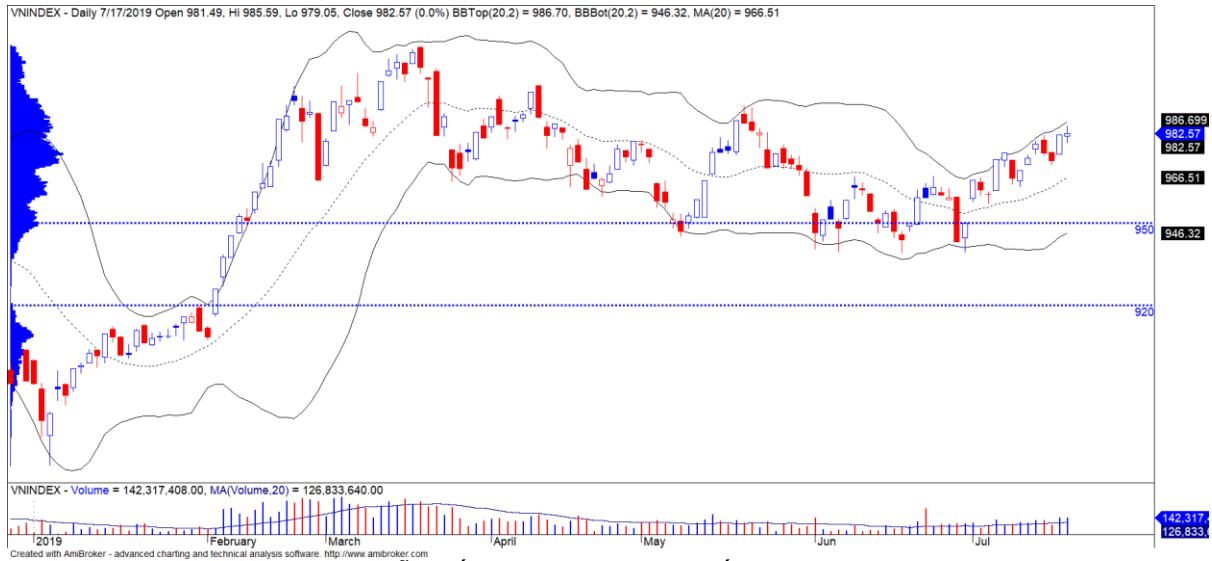
Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 54% cổ phiếu/46% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	1,000	1,025	965	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.50	TĂNG	TĂNG	18.60	18.46	-0.54%		16.85	16.80	9.79%	
ACB	30.70	TĂNG	GIẢM	29.80	29.30	3.02%			31.45		
ACV	83.40	GIẢM	TĂNG		86.74			90.00	81.77	-7.33%	
ANV	28.05	TĂNG	GIẢM	28.05	27.71	0.00%	MUA		30.56		
ASM	6.92	GIẢM	GIẢM		7.15				7.88		
BFC	18.00	GIẢM	GIẢM		18.82				21.52		
BID	34.55	TĂNG	TĂNG	32.65	32.72	5.82%		33.40	31.23	3.44%	
BMP	50.10	TĂNG	TĂNG	44.50	48.33	12.58%		48.30	47.72	3.73%	MUA
BSR	11.80	GIẢM	GIẢM		12.56				14.24		
BVH	88.00	TĂNG	TĂNG	79.00	83.22	11.39%			85.11		
BWE	27.50	TĂNG	TĂNG	25.85	27.13	6.38%		20.00	24.54	37.50%	
CEO	11.00	TĂNG	GIẢM	10.70	10.31	2.80%			11.33		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		22.74				24.05		
CMG	41.05	TĂNG	TĂNG	37.80	36.31	8.60%		23.20	32.95	76.94%	
CMX	23.20	TĂNG	TĂNG	23.75	21.86	-2.32%		5.91	21.62	292.55%	
CSM	14.60	GIẢM	TĂNG		15.13			14.39	14.22	1.46%	
CTD	112.50	TĂNG	TĂNG	102.00	105.39	10.29%			112.01		
CTG	21.90	TĂNG	GIẢM	21.05	20.77	4.04%			22.80		
CTI	23.00	TĂNG	GIẢM	23.80	22.66	-3.36%			25.04		
CTR	33.70	TĂNG	N/A	28.80	30.68	17.01%		-	3.77		
CVT	20.85	TĂNG	TĂNG	19.25	19.85	8.31%		20.35	20.33	2.46%	MUA
DCM	8.02	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-5.65%			8.83		
DGC	29.50	GIẢM	GIẢM	28.50	29.93	5.02%	BÁN		31.31		
DGW	23.70	TĂNG	TĂNG	21.85	22.59	8.47%			23.12		
DHA	36.70	TĂNG	TĂNG	32.25	34.28	13.80%		29.10	32.44	26.12%	
DHC	43.80	TĂNG	TĂNG	40.90	42.96	7.09%		35.20	39.28	24.43%	
DHG	102.50	TĂNG	GIẢM	108.00	101.56	-5.09%			114.77		
DIG	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	13.65	0.00%	MUA		14.64		
DPG	37.90	GIẢM	TĂNG		38.07			40.02	34.78	-5.29%	
DPM	15.30	GIẢM	GIẢM		15.88				17.48		
DPR	43.50	GIẢM	TĂNG		45.48			42.50	40.21	2.35%	
DQC	18.30	TĂNG	GIẢM	18.60	17.61	-1.61%			20.66		
DRC	19.60	TĂNG	GIẢM	19.40	18.58	1.03%			20.88		
DXG	19.10	TĂNG	GIẢM	19.10	18.15	0.00%			20.75		
EIB	18.30	TĂNG	TĂNG	17.80	17.77	2.81%		14.70	16.88	24.49%	

We Create Fortune

FCN	14.15	TĂNG	TĂNG	15.50	13.74	-8.71%		16.05	13.65	-11.84%	
FMC	30.00	TĂNG	GIẢM	28.95	29.48	3.63%			30.62		
FPT	47.05	TĂNG	TĂNG	45.20	46.13	4.09%		46.00	43.40	2.28%	
GAS	108.90	TĂNG	GIẢM	108.90	106.70	0.00%	MUA		113.06		
GEX	21.50	GIẢM	GIẢM		22.07				23.64		
GIL	26.80	TĂNG	GIẢM	27.30	25.94	-1.83%			29.54		
GMD	27.05	TĂNG	GIẢM	27.10	26.49	-0.18%			27.99		
GTN	18.15	GIẢM	TĂNG		19.16			15.00	16.37	21.00%	
GVR	13.60	TĂNG	GIẢM	13.50	12.69	0.74%			N/A		
HAG	5.35	GIẢM	GIẢM		5.69				5.62		
HAX	19.90	TĂNG	TĂNG	14.25	18.47	39.65%		15.75	13.98	26.35%	
HBC	14.80	GIẢM	GIẢM		15.57				17.59		
HCM	23.90	GIẢM	GIẢM		24.54				26.60		
HDB	26.40	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-4.35%			28.77		
HDC	15.30	TĂNG	TĂNG	15.25	14.73	0.33%		15.25	13.30	0.33%	
HDG	35.90	TĂNG	TĂNG	32.70	33.51	9.79%			34.59		
HNG	18.15	TĂNG	TĂNG	15.75	17.91	15.24%		17.10	15.77	6.14%	
HPG	21.35	GIẢM	GIẢM		22.51				25.44		
HSG	7.61	TĂNG	TĂNG	7.63	7.28	-0.26%		9.30	7.01	-18.17%	
HT1	15.75	GIẢM	TĂNG		16.32			14.80	15.47	6.42%	
HUT	2.60	GIẢM	GIẢM		2.67				3.13		
HVN	42.50	GIẢM	TĂNG		44.73			39.00	38.27	8.97%	
KBC	15.10	TĂNG	TĂNG	14.30	14.35	5.59%		15.35	13.00	-1.63%	
KDH	22.10	GIẢM	GIẢM		23.04				24.76		
KSB	21.55	GIẢM	GIẢM		22.77				25.36		
LCG	10.60	TĂNG	GIẢM	10.45	10.24	1.44%			11.44		
LDG	8.18	TĂNG	GIẢM	8.63	8.15	-5.21%			9.75		
LHG	19.65	TĂNG	TĂNG	19.70	18.92	-0.25%		19.30	17.02	1.81%	
LPB	7.90	TĂNG	GIẢM	8.10	7.82	-2.47%			8.51		
LSS	5.27	GIẢM	GIẢM		5.54				5.91		
MBB	22.10	TĂNG	TĂNG	21.30	21.09	3.76%		21.85	20.11	1.14%	
MPC	34.90	GIẢM	GIẢM		35.33				40.54		
MSN	79.80	GIẢM	GIẢM		83.80			89.00	80.74	-9.28%	
MSR	18.20	GIẢM	GIẢM		19.28				20.71		
MWG	101.60	TĂNG	TĂNG	88.30	98.11	15.06%		88.70	88.19	14.54%	
NDN	17.00	TĂNG	TĂNG	14.10	16.07	20.57%		13.70	14.40	24.09%	
NKG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.49				7.23		
NLG	29.25	GIẢM	TĂNG		29.84			28.70	27.83	1.92%	
NT2	26.65	GIẢM	GIẢM		27.35				29.14		

We Create Fortune

NTL	25.60	TĂNG	TĂNG	22.95	24.42	11.55%		10.45	21.18	144.98%	
NVL	59.50	TĂNG	GIẢM	59.90	59.03	-0.67%			62.33		
OIL	11.50	GIẢM	GIẢM		11.71				13.02		
PAC	34.20	GIẢM	GIẢM		35.58				38.86		
PC1	17.95	GIẢM	GIẢM		19.31				20.50		
PDR	26.10	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	8.30%		29.00	24.36	-10.00%	
PHR	61.50	TĂNG	TĂNG	61.20	58.50	0.49%		24.00	52.19	156.25%	
PLX	64.30	TĂNG	TĂNG	64.20	62.81	0.16%		62.40	58.43	3.04%	
PNJ	74.20	GIẢM	TĂNG		75.30			104.00	72.83	-28.65%	
POW	14.55	GIẢM	TĂNG		15.26			15.70	13.92	-7.32%	
PVT	17.40	TĂNG	GIẢM	16.80	16.89	3.57%			17.62		
PPC	27.20	GIẢM	TĂNG		32.48			19.70	26.56	38.07%	
PTB	67.50	GIẢM	TĂNG		72.35			64.00	63.98	5.47%	
PVB	19.30	GIẢM	TĂNG		19.45			20.10	16.79	-3.98%	
PVD	18.75	TĂNG	TĂNG	19.20	18.21	-2.34%		18.50	17.78	1.35%	
PVI	37.50	TĂNG	GIẢM	37.40	36.08	0.27%			39.70		
PVS	23.70	TĂNG	TĂNG	23.00	23.22	3.04%		21.10	21.47	12.32%	
PXS	5.40	TĂNG	TĂNG	5.09	5.18	6.09%		4.85	4.26	11.34%	
QNS	31.50	TĂNG	TĂNG	33.80	29.83	-6.80%		33.80	27.66	-6.80%	
REE	33.50	TĂNG	TĂNG	33.05	32.92	1.36%		33.33	31.11	0.52%	
SAB	286.00	TĂNG	TĂNG	253.00	277.11	13.04%		245.00	252.84	16.73%	
SAM	8.15	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-1.21%		7.40	7.69	10.14%	
SCR	7.13	GIẢM	GIẢM		7.28				7.61		
SHI	8.80	TĂNG	TĂNG	8.39	7.78	4.89%		6.99	7.45	25.89%	
SJS	19.30	GIẢM	GIẢM		20.05			-	19.93		
SKG	11.90	GIẢM	GIẢM		12.40				12.61		
SSI	25.80	TĂNG	GIẢM	25.35	24.68	1.78%			26.98		
STB	11.55	GIẢM	GIẢM		11.71				12.41		
TCB	21.10	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-1.40%			22.88		
TCM	27.05	GIẢM	GIẢM		28.14				30.59		
TDH	9.50	GIẢM	TĂNG		9.94			11.65	9.17	-18.45%	
TLH	4.96	GIẢM	TĂNG		5.09			5.39	4.80	-7.98%	
TNG	21.20	TĂNG	TĂNG	19.70	20.48	7.61%		12.00	18.79	76.67%	
VCB	76.20	TĂNG	TĂNG	69.20	73.41	10.12%		62.00	64.87	22.90%	
VCG	26.50	GIẢM	TĂNG		27.05			19.20	24.08	38.02%	
VCS	79.30	TĂNG	TĂNG	61.20	71.49	29.58%		68.00	55.40	16.62%	
VGC	20.20	TĂNG	GIẢM	21.50	19.75	-6.05%			21.65		
VGT	10.40	GIẢM	GIẢM		10.84				12.16		
VHC	91.20	TĂNG	GIẢM	89.50	86.79	1.90%			95.80		



We Create Fortune

VHM	84.00	TĂNG	GIẢM	81.00	81.13	3.70%			87.75		
VIB	18.30	TĂNG	TĂNG	17.00	17.64	7.65%		17.70	17.44	3.39%	MUA
VIC	115.50	GIẢM	TĂNG		117.69			112.00	108.25	3.13%	
VIP	5.66	TĂNG	GIẢM	5.77	5.62	-1.91%			5.95		
VJC	130.00	TĂNG	TĂNG	123.30	127.55	5.43%		124.50	118.61	4.42%	
VND	15.35	GIẢM	GIẢM		15.50				16.95		
VNG	21.55	GIẢM	TĂNG	20.60	21.74	5.54%	BÁN	21.50	20.38	0.23%	
VNM	125.40	GIẢM	GIẢM		126.17				133.60		
VPB	19.40	TĂNG	GIẢM	18.60	19.04	4.30%			19.82		
VPI	41.45	TĂNG	GIẢM	41.75	41.37	-0.72%			42.86		
VRC	15.75	GIẢM	GIẢM		16.07				17.30		
VRE	37.00	TĂNG	TĂNG	35.75	35.29	3.50%		35.00	31.18	5.71%	
VSC	31.40	TĂNG	GIẢM	31.90	30.84	-1.57%			34.25		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	30.70	TĂNG	GIẢM	29.80	29.30	3.02%			31.45		
BID	34.55	TĂNG	TĂNG	32.65	32.72	5.82%		33.40	31.23	3.44%	
BSR	11.80	GIẢM	GIẢM		12.56				14.24		
BVH	88.00	TĂNG	TĂNG	79.00	83.22	11.39%			85.11		
CTG	21.90	TĂNG	GIẢM	21.05	20.77	4.04%			22.80		
EIB	18.30	TĂNG	TĂNG	17.80	17.77	2.81%		14.70	16.88	24.49%	
FPT	47.05	TĂNG	TĂNG	45.20	46.13	4.09%		41.00	43.40	14.76%	
GAS	108.90	TĂNG	GIẢM	108.90	106.70	0.00%	MUA		113.06		
HDB	26.40	TĂNG	GIẢM	27.60	25.94	-4.35%			28.77		
HNG	18.15	TĂNG	TĂNG	15.75	17.91	15.24%		17.10	15.77	6.14%	
HPG	21.35	GIẢM	GIẢM		22.51				25.44		
HVN	42.50	GIẢM	TĂNG		44.73			39.00	38.27	8.97%	
KDH	22.10	GIẢM	GIẢM		23.04				24.76		
MBB	22.10	TĂNG	TĂNG	21.30	21.09	3.76%		21.27	20.11	3.90%	
MSN	79.80	GIẢM	GIẢM		83.80			89.00	80.74	-9.28%	
MWG	101.60	TĂNG	TĂNG	88.30	98.11	15.06%		88.70	88.19	14.54%	
NVL	59.50	TĂNG	GIẢM	59.90	59.03	-0.67%			62.33		
OIL	11.50	GIẢM	GIẢM		11.71				13.02		
PLX	64.30	TĂNG	N/A	64.20	62.81	0.16%		62.40	58.43	3.04%	
PNJ	74.20	GIẢM	TĂNG		75.30			77.88	72.83	-4.73%	



We Create Fortune

POW	14.55	GIẢM	TĂNG		15.26			15.70	13.92	-7.32%	
PVS	23.70	TĂNG	TĂNG	23.00	23.22	3.04%		21.10	21.47	12.32%	
QNS	31.50	TĂNG	TĂNG	33.80	29.83	-6.80%		33.80	27.66	-6.80%	
REE	33.50	TĂNG	TĂNG	33.05	32.92	1.36%		33.33	31.11	0.52%	
ROS	27.40	GIẢM	TĂNG		29.20			34.80	27.33	-21.26%	
SSI	25.80	TĂNG	GIẢM	25.35	24.68	1.78%			26.98		
STB	11.55	GIẢM	GIẢM		11.71				12.41		
TCB	21.10	TĂNG	GIẢM	21.40	20.43	-1.40%			22.88		
TPB	23.40	GIẢM	GIẢM		23.64				N/A		
VCB	76.20	TĂNG	TĂNG	69.20	73.41	10.12%		62.00	64.87	22.90%	
VCG	26.50	GIẢM	TĂNG		27.05			18.44	24.08	43.70%	
VEA	61.60	TĂNG	GIẢM	62.10	59.43	-0.81%			N/A		
VGI	29.30	TĂNG	GIẢM	29.50	27.69	-0.68%			N/A		
VHM	84.00	TĂNG	GIẢM	81.00	81.13	3.70%			87.75		
VIB	18.30	TĂNG	TĂNG	17.00	17.64	7.65%		17.70	17.44	3.39%	MUA
VIC	115.50	GIẢM	TĂNG		117.69			112.00	108.25	3.13%	
VJC	130.00	TĂNG	TĂNG	123.30	127.55	5.43%		124.50	118.61	4.42%	
VNM	125.40	GIẢM	GIẢM		126.17				133.60		
VPB	19.40	TĂNG	GIẢM	18.60	19.04	4.30%			19.82		
VRE	37.00	TĂNG	TĂNG	35.75	35.29	3.50%		34.00	31.18	8.84%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.50	TĂNG	TĂNG	18.60	18.46	-0.54%		16.85	16.80	9.79%	
ANV	28.05	TĂNG	GIẢM	28.05	27.71	0.00%	MUA		30.56		
ASM	6.92	GIẢM	GIẢM		7.15				7.88		
BMP	50.10	TĂNG	TĂNG	44.50	48.33	12.58%		48.30	47.72	3.73%	MUA
BWE	27.50	TĂNG	TĂNG	25.85	27.13	6.38%		19.44	24.54	41.46%	
C4G	8.60	GIẢM	#N/A		9.01			-	#N/A		
CEO	11.00	TĂNG	GIẢM	10.70	10.31	2.80%			11.33		
CII	22.00	GIẢM	GIẢM		22.74				24.05		
CRE	24.70	TĂNG	#N/A	25.90	24.58	-4.63%		-	#N/A		
CTI	23.00	TĂNG	GIẢM	23.80	22.66	-3.36%			25.04		
CTR	33.70	TĂNG	#N/A	28.80	30.68	17.01%		-	#N/A		
DCM	8.02	TĂNG	GIẢM	8.50	7.97	-5.65%			8.83		
DHC	43.80	TĂNG	TĂNG	40.90	42.96	7.09%		35.20	39.28	24.43%	

We Create Fortune

DIG	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	13.65	0.00%	MUA		14.64		
DPM	15.30	GIẢM	GIẢM		15.88				17.48		
DRC	19.60	TĂNG	GIẢM	19.40	18.58	1.03%			20.88		
DXG	19.10	TĂNG	GIẢM	19.10	18.15	0.00%			20.75		
E1VFN30	14.57	TĂNG	GIẢM	14.59	14.26	-0.14%			15.16		
FCN	14.15	TĂNG	TĂNG	15.50	13.74	-8.71%		16.05	13.65	-11.84%	
FLC	4.25	TĂNG	GIẢM	4.40	4.23	-3.41%			4.63		
FTM	24.80	GIẢM	TĂNG		25.16			16.25	21.48	52.62%	
GEG	22.50	TĂNG	TĂNG	22.80	21.46	-1.32%		12.90	20.50	74.42%	
GEX	21.50	GIẢM	GIẢM		22.07				23.64		
GMD	27.05	TĂNG	GIẢM	27.10	26.49	-0.18%			27.99		
GTN	18.15	GIẢM	TĂNG		19.16			15.00	16.37	21.00%	
GVR	13.60	TĂNG	#N/A	13.50	12.69	0.74%		-	#N/A		
HAG	5.35	GIẢM	GIẢM		5.69				5.62		
HBC	14.80	GIẢM	GIẢM		15.57				17.59		
HCM	23.90	GIẢM	GIẢM		24.54				26.60		
HDG	35.90	TĂNG	TĂNG	32.70	33.51	9.79%			34.59		
HPX	26.80	TĂNG	#N/A	26.60	25.28	0.75%		-	#N/A		
HSG	7.61	TĂNG	TĂNG	7.63	7.28	-0.26%		8.45	7.01	-9.97%	
HT1	15.75	GIẢM	TĂNG		16.32			14.80	15.47	6.42%	
IBC	21.65	TĂNG	TĂNG	20.90	21.18	3.59%		24.90	20.15	-13.05%	
IDI	7.25	GIẢM	GIẢM		7.55				8.42		
IJC	10.90	TĂNG	GIẢM	11.15	10.71	-2.24%			11.50		
ITA	3.17	GIẢM	TĂNG		3.19			3.20	2.75	-0.94%	
KBC	15.10	TĂNG	TĂNG	14.30	14.35	5.59%		15.35	13.00	-1.63%	
KSB	21.55	GIẢM	GIẢM		22.77				25.36		
LDG	8.18	TĂNG	GIẢM	8.63	8.15	-5.21%			9.75		
LPB	7.90	TĂNG	GIẢM	8.10	7.82	-2.47%			8.51		
MBS	14.30	GIẢM	#N/A		14.89			16.00	#N/A	#N/A	
MPC	34.90	GIẢM	GIẢM		35.33				40.54		
NBB	21.90	TĂNG	TĂNG	22.00	21.14	-0.45%		21.50	18.83	1.86%	
NKG	6.20	GIẢM	GIẢM		6.49				7.23		
NLG	29.25	GIẢM	TĂNG		29.84			28.70	27.83	1.92%	
NT2	26.65	GIẢM	GIẢM		27.35				29.14		
NTC	178.40	TĂNG	#N/A	144.00	167.52	23.89%		120.00	#N/A	#N/A	
NTL	25.60	TĂNG	TĂNG	22.95	24.42	11.55%		9.33	21.18	174.35%	
NVB	8.10	GIẢM	GIẢM		8.43				9.18		
OGC	4.00	GIẢM	GIẢM		4.15				4.79		

We Create Fortune

PC1	17.95	GIẢM	GIẢM		19.31			20.50		
PDR	26.10	TĂNG	TĂNG	24.10	25.97	8.30%		23.60	24.36	10.62%
PHR	61.50	TĂNG	TĂNG	61.20	58.50	0.49%		22.86	52.19	168.98%
PPC	27.20	GIẢM	TĂNG		32.48			17.42	26.56	56.13%
PTB	67.50	GIẢM	TĂNG		72.35			60.78	63.98	11.06%
PVD	18.75	TĂNG	TĂNG	19.20	18.21	-2.34%		18.50	17.78	1.35%
PVI	37.50	TĂNG	GIẢM	37.40	36.08	0.27%			39.70	
PVT	17.40	TĂNG	GIẢM	16.80	16.89	3.57%			17.62	
QCG	4.59	GIẢM	GIẢM		4.61				5.54	
SAM	8.15	TĂNG	TĂNG	8.25	8.07	-1.21%		7.40	7.69	10.14%
SBT	16.90	GIẢM	GIẢM		17.18				18.08	
SCR	7.13	GIẢM	GIẢM		7.28				7.61	
SHB	6.80	GIẢM	GIẢM		7.06				7.47	
SHS	10.00	GIẢM	TĂNG		10.12			12.10	9.22	-17.36%
SJS	19.30	GIẢM	GIẢM		20.05			-	19.93	
STK	24.10	TĂNG	TĂNG	24.20	23.65	-0.41%		17.00	20.75	41.76%
SZC	21.65	TĂNG	#N/A	20.45	21.23	5.87%		-	#N/A	
TCH	21.85	TĂNG	GIẢM	21.15	20.85	3.31%			22.45	
TCM	27.05	GIẢM	GIẢM		28.14				30.59	
TNG	21.20	TĂNG	TĂNG	19.70	20.48	7.61%		12.00	18.79	76.67%
TTB	22.85	TĂNG	GIẢM	22.60	22.36	1.11%			24.16	
VCI	33.70	TĂNG	GIẢM	32.30	31.74	4.33%			35.72	
VGT	10.40	GIẢM	GIẢM		10.84			-	12.16	
VHC	91.20	TĂNG	GIẢM	89.50	86.79	1.90%			95.80	
VND	15.35	GIẢM	GIẢM		15.50				16.95	
VNG	21.55	GIẢM	TĂNG	20.60	21.74	5.54%	BÁN	21.50	20.38	0.23%
VPI	41.45	TĂNG	GIẢM	41.75	41.37	-0.72%			42.86	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	9.60	TĂNG	#N/A	9.40	8.95	2.13%		16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.12	GIẢM	TĂNG	3.89	4.12	6.02%	BÁN	3.99	3.56	3.26%	
AMD	1.80	GIẢM	GIẢM		1.87				2.08		
APG	9.20	TĂNG	TĂNG	8.50	8.97	8.24%		9.90	7.90	-7.07%	
ART	2.40	GIẢM	GIẢM		2.68				3.16		
BCC	9.00	TĂNG	TĂNG	8.50	8.40	5.88%		7.70	7.66	16.88%	

We Create Fortune

BCG	5.60	GIẢM	TĂNG	5.90	5.61	-4.86%	BÁN	6.39	5.41	-12.36%	
C69	17.10	TĂNG	TĂNG	8.80	16.02	94.32%		5.30	13.87	222.64%	
CCL	5.81	GIẢM	TĂNG		6.01			3.46	4.89	67.92%	
CRC	14.65	GIẢM	GIẢM		15.05				17.35		
CVT	20.85	TĂNG	TĂNG	19.25	19.85	8.31%		20.35	20.33	2.46%	MUA
DAG	6.84	TĂNG	GIẢM	6.55	6.59	4.43%			7.01		
DAH	14.10	TĂNG	TĂNG	9.12	11.59	54.61%		4.66	7.67	202.31%	
DGW	23.70	TĂNG	TĂNG	21.85	22.59	8.47%			23.12		
DLG	1.54	TĂNG	GIẢM	1.56	1.51	-1.28%			1.65		
DRH	7.00	GIẢM	GIẢM		7.58				7.76		
DTD	14.90	TĂNG	TĂNG	15.00	13.35	-0.67%		12.90	10.39	15.50%	
EVG	2.85	TĂNG	GIẢM	2.87	2.77	-0.70%			3.02		
FIT	3.40	GIẢM	TĂNG		3.68			3.64	2.85	-6.59%	
GKM	15.30	GIẢM	TĂNG		15.53			11.42	14.95	33.92%	
HAH	13.05	TĂNG	TĂNG	12.80	12.50	1.95%		13.00	12.67	0.38%	MUA
HAI	1.82	TĂNG	GIẢM	1.87	1.75	-2.67%			1.93		
HAP	3.52	GIẢM	TĂNG		3.75			3.67	3.25	-4.09%	
HAR	3.93	GIẢM	TĂNG		4.14			3.71	3.65	5.93%	
HCD	3.76	TĂNG	GIẢM	3.79	3.61	-0.79%			4.34		
HDA	11.90	TĂNG	TĂNG	10.50	11.26	13.33%		11.30	9.73	5.31%	
HDC	15.30	TĂNG	TĂNG	15.25	14.73	0.33%		15.25	13.30	0.33%	
HHP	13.40	GIẢM	#N/A		14.66			-	#N/A		
HHS	3.45	TĂNG	GIẢM	3.50	3.35	-1.43%			3.69		
HII	11.85	GIẢM	GIẢM		12.39				13.48		
HQC	1.39	TĂNG	GIẢM	1.43	1.36	-2.80%			1.50		
HSL	7.95	GIẢM	GIẢM		8.17				9.90		
HUT	2.60	GIẢM	GIẢM		2.67				3.13		
HVG	3.32	TĂNG	GIẢM	3.33	3.29	-0.30%			4.67		
HVH	27.50	TĂNG	#N/A	26.15	26.84	5.16%		-	#N/A		
JVC	2.89	GIẢM	GIẢM		2.97				3.26		
KLF	1.40	GIẢM	GIẢM		1.61				1.79		
KMR	2.88	GIẢM	TĂNG		3.11			3.68	2.65	-21.74%	
LCG	10.60	TĂNG	GIẢM	10.45	10.24	1.44%			11.44		
LGL	10.00	GIẢM	TĂNG		10.43			7.11	8.90	40.59%	
LHG	19.65	TĂNG	TĂNG	19.70	18.92	-0.25%		19.30	17.02	1.81%	
LMH	16.10	GIẢM	#N/A		16.82			-	#N/A		
MST	2.80	GIẢM	GIẢM		3.12				3.73		
NDN	17.00	TĂNG	TĂNG	14.10	16.07	20.57%		13.10	14.40	29.73%	
PHC	13.00	TĂNG	TĂNG	13.40	12.98	-2.99%		14.45	12.65	-10.03%	



We Create Fortune

PVB	19.30	GIẢM	TĂNG		19.45			20.10	16.79	-3.98%	
PVC	7.70	TĂNG	TĂNG	7.80	7.55	-1.28%		7.10	6.20	8.45%	
PXL	5.50	GIẢM	GIẢM		6.02				7.60		
PXS	5.40	TĂNG	TĂNG	5.09	5.18	6.09%		4.85	4.26	11.34%	
QBS	3.07	TĂNG	GIẢM	3.03	3.07	1.32%			3.36		
SFG	10.45	GIẢM	GIẢM		11.82				15.78		
SHI	8.80	TĂNG	TĂNG	8.39	7.78	4.89%		6.23	7.45	41.19%	
SJF	3.40	GIẢM	GIẢM		3.67				3.88		
SKG	11.90	GIẢM	GIẢM		12.40				12.61		
TDH	9.50	GIẢM	TĂNG		9.94			11.65	9.17	-18.45%	
TIG	3.20	GIẢM	TĂNG		3.49			3.20	3.03	0.00%	
TLD	5.35	GIẢM	GIẢM		5.51				6.13		
TLH	4.96	GIẢM	TĂNG		5.09			5.85	4.80	-15.21%	
TNI	10.20	GIẢM	GIẢM		10.83			12.15	10.21	-15.98%	BÁN
TTF	3.18	GIẢM	TĂNG		3.40			3.99	3.03	-20.30%	
TTH	4.10	GIẢM	GIẢM		4.12				4.71		
TVB	17.50	TĂNG	GIẢM	17.40	16.14	0.57%			19.92		
TVC	13.20	TĂNG	GIẢM	12.50	12.40	5.60%			13.71		
VC3	23.00	TĂNG	TĂNG	23.10	22.86	-0.43%		22.00	21.35	4.55%	
VCR	22.40	GIẢM	GIẢM		25.06			3.90	24.11	518.31%	BÁN
VNE	3.98	GIẢM	TĂNG		4.23			4.65	3.96	-14.41%	
VPG	22.00	GIẢM	TĂNG		22.61			20.46	19.34	7.55%	
VRC	15.75	GIẢM	GIẢM		16.07				17.30		
YBM	10.20	GIẢM	GIẢM		10.63				12.24		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	982.57	0.05%
VN30	879.75	-0.13%
VN Mid	974.84	0.58%
VN Small	824.17	-0.04%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	106.58	0.69%
HN30	196.27	0.50%
VNX AllSh	857.25	0.03%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	57.05	-0.44%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	521.23	
Bán	308.9	
GT rỗng	212.33	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	5.05	
Bán	2.51	
GT rỗng	2.54	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	34.22	
Bán	18.44	
GT rỗng	15.78	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CMG	2650	6.90%
DIG	900	6.82%
BTP	600	4.55%
DXG	650	3.52%
NCT	2500	3.45%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCR	1100	5.16%
NTP	1600	4.65%
VCS	2500	3.26%
BAX	1800	2.56%
L14	1200	2.23%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
EVF	900	14.75%
HTM	1400	14.14%
BCM	800	3.05%
CTR	900	2.74%
SDI	1700	2.23%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PPC	-1900	-6.53%
TCT	-2600	-6.10%
ROS	-1200	-4.20%
D2D	-3000	-3.70%
TIP	-1100	-3.44%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HHC	-11700	-9.96%
MBS	-300	-2.05%
NDN	-300	-1.73%
DGC	-500	-1.67%
PVS	-400	-1.66%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SIP	-4500	-5.08%
BSR	-200	-1.67%
GVR	-200	-1.45%
VIB	-200	-1.08%
MPC	-300	-0.85%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	397,530	
VCB	286,325	
VHM	281,024	
VNM	215,933	
GAS	203,644	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,664	
VCS	12,042	
VCG	11,617	
PVS	11,519	
PVI	8,690	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	182,348	
VGI	89,698	
VEA	82,537	
MCH	59,802	
GVR	55,224	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	17,832,090	12,162,532
MBB	8,206,500	5,864,276
STB	8,142,600	3,527,657
GEX	7,159,820	2,523,892
AAA	6,153,150	3,442,509

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	7,431,226	4,042,530
NVB	4,788,000	579,739
VCG	4,118,232	688,715
PVS	3,790,508	2,871,324
OCH	3,325,371	276,000

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
VCP	1,628,721	189,978
BSR	1,227,821	1,069,937
LPB	745,546	377,187
VIB	693,465	466,381
GVR	599,004	915,969

Nguồn: Bloomberg & YSVN

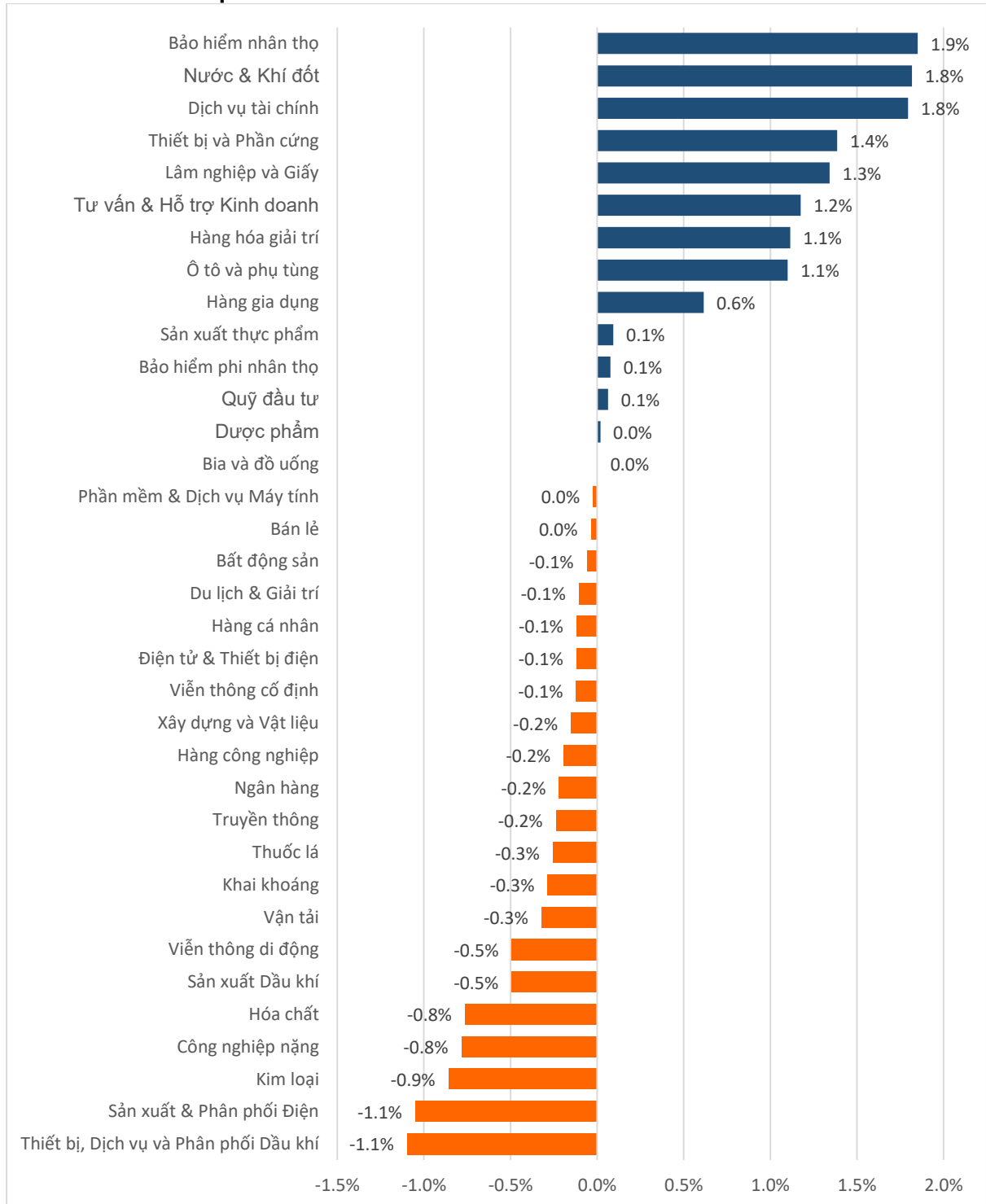
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create Fortune

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



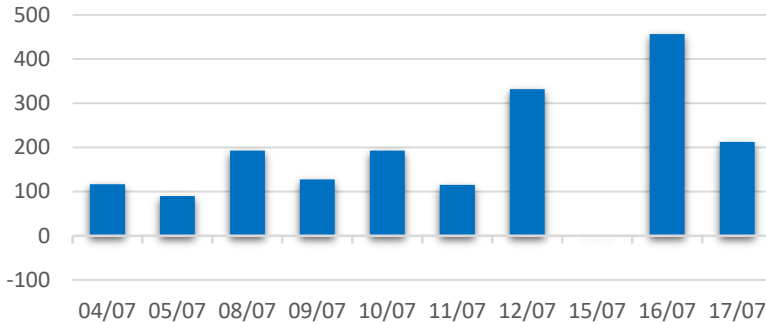
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

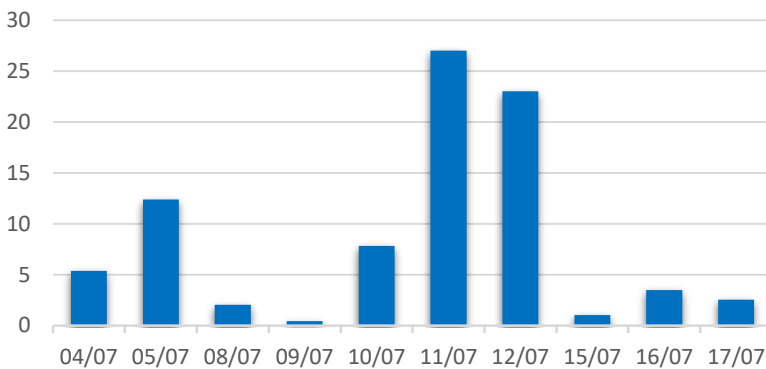
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
PLX	126,239	HPG	45,334
VHM	22,211	KDH	14,805
GAS	19,729	HBC	8,300
BVH	17,762	PPC	7,930
CTD	12,591	VSC	4,977

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

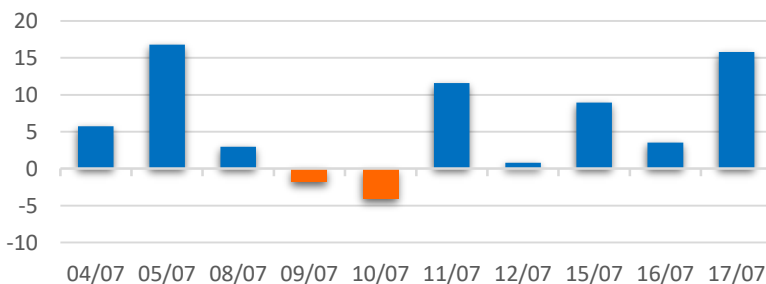
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VCS	15,007	PVS	51,738
PVI	319	DGC	688
IVS	68	CEO	424
PVB	38	VGS	350
DBC	26	TNG	348

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VTP	4,844	VEA	2,562
LPB	1,446	BSR	1,283
MFS	1,227	WSB	769
ACV	811	OIL	699
ICC	473	VGI	268

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



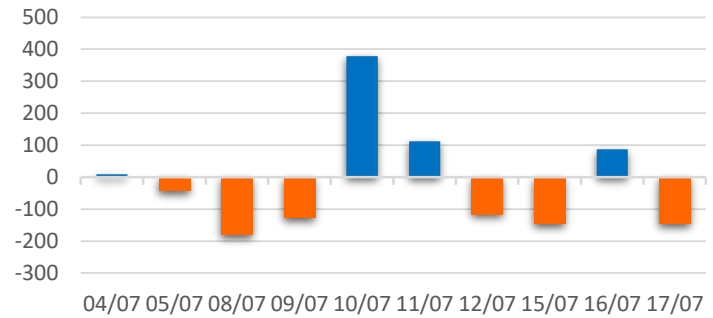
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

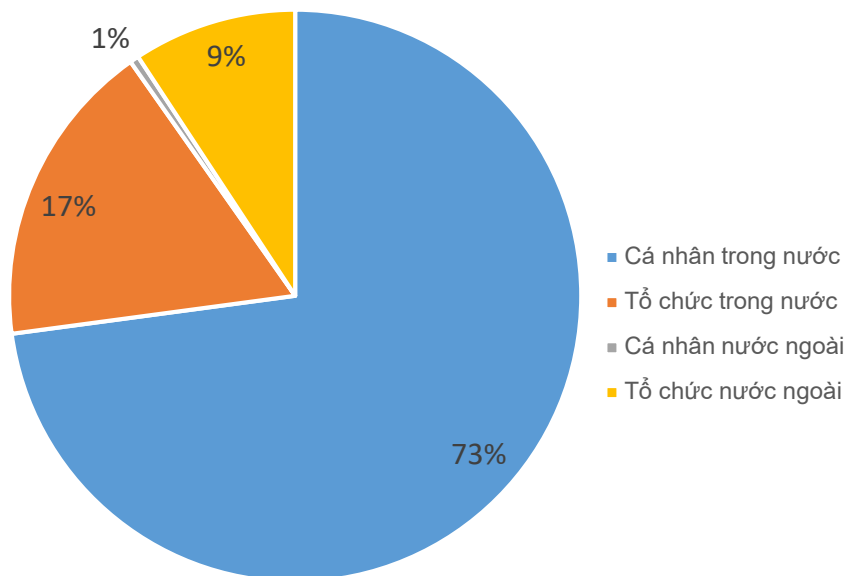
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
GEX	50,400	TCB	26,802
KDH	10,967	VNM	21,209
VNM	7,676	MSN	17,600
MWG	7,322	MBB	17,346
MBB	6,866	VIC	17,326

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

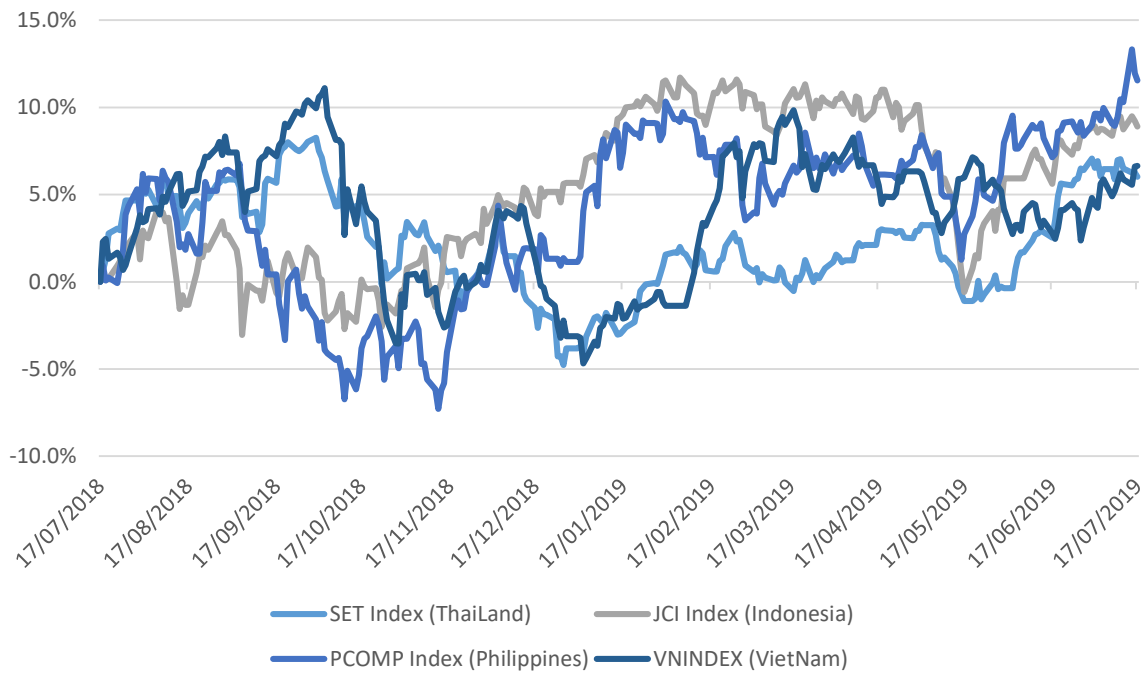


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

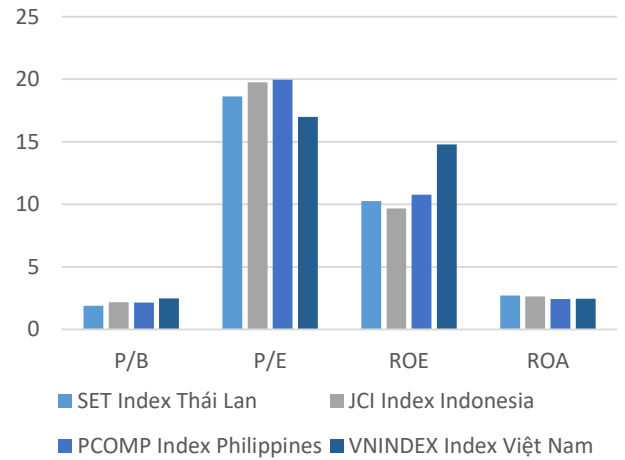
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.2x	2.1x	2.5x
P/E		18.6x	19.7x	19.9x	17.0x
ROE	%	10.25	9.68	10.78	14.78
ROA	%	2.72	2.64	2.43	2.46
Vốn hóa	Tỷ USD	572.14	526.82	202.85	142.56
GTGD	Triệu USD	1.38	0.45	0.16	0.14
LS cổ tức	%	2.99	2.44	1.60	1.73

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3830

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written